

\*Tua U

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 15 /2014/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 5 năm 2014

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành giá dịch vụ xe ô tô ra, vào các bến, trạm xe  
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Giá được Quốc hội thông qua ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô;

Căn cứ Nghị định số 93/2012/NĐ-CP ngày 08/11/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 129/2010/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/8/2010 của liên Bộ Tài chính và Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bến xe khách (QCVN 45: 2012/BGTVT);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 2705/TTr-SGTVT ngày 10/4/2014,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành giá dịch vụ xe ô tô ra, vào các bến, trạm xe trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Xe hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định:

a) Tuyến đang khai thác là 3.300 đồng/ghế hoặc giường nằm (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Số ghế ngồi hoặc giường nằm căn cứ theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.

b) Tuyến mới mở trong thời gian khai thác thử (tối đa là 06 tháng) mức thu là 2.640 đồng/ghế hoặc giường nằm (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) bằng 80% của tuyến đang khai thác để giúp các doanh nghiệp vận tải khai thác thử tuyến đạt hiệu quả.

2. Xe hoạt động trên tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt:

a) Tuyến có trợ giá từ nguồn ngân sách nhà nước là 100 đồng/chỗ/chuyến (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Số chỗ (chỗ đứng và ghế ngồi) căn cứ theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.

b) Tuyến không có trợ giá từ nguồn ngân sách nhà nước (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) mức thu như sau:

S T T	Mã số tuyến	Tuyến vận chuyển		Giá dịch vụ xe ô tô ra, vào bến xe, trạm xe (đồng/chuyến xe)
		Nơi đi	Nơi đến	
1	4	Bến xe TP. Biên Hòa	Trạm xe xã Cẩm Đường, huyện Long Thành	19.000
2	5	Bến xe TP. Biên Hòa	Bến xe Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh	22.500
3	9	Bến xe TP. Biên Hòa	Trạm xe xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom	15.000
4	10	Bến xe Xuân Lộc, huyện Xuân Lộc	Trạm xe Siêu thị BigC	20.000
5	11	Bến xe Ngã tư Vũng Tàu, TP. Biên Hòa	Trạm xe ấp Phú Hà, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu	25.000
6	12	Trạm xe thác Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom	Bến xe Chợ Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh	23.000
7	14	Trạm xe xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc	Trạm xe Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch	10.000
8	15	Bến xe Dầu Giây, huyện Thống Nhất	Trạm xe chợ Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu	10.000
9	16	Bến xe Phương Lâm, huyện Tân Phú	Bến xe TP. Biên Hòa	35.000
10	18	Trạm xe xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom	KDL Đại Nam, tỉnh Bình Dương	20.000
11	19	Trạm xe Ngã ba Trị An, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom	Bến xe Trị An, huyện Vĩnh Cửu	10.000
12	21	Trạm xe xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch	Trạm xe xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch	5.000
13	22	Bến xe Phú Túc, huyện Định Quán	Bến xe Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu	15.000
14	24	Trạm xe xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch	Thị trấn Long Thành, huyện Long Thành	5.000
15	601	Bến xe TP. Biên Hòa	Bến xe miền Tây, TP. Hồ Chí Minh	25.000

16	602	Bến xe Phú Túc, huyện Định Quán	Trường ĐH Nông Lâm, TP. Hồ Chí Minh	18.000
17	603	Trạm xe Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch	Bến xe Miền Đông, TP. Hồ Chí Minh	12.000
18	604	Bến xe Hố Nai, TP. Biên Hòa	Bến xe Miền Đông, TP. Hồ Chí Minh	15.000

Trong thời gian thực hiện nếu các doanh nghiệp vận tải mở tuyến mới, thay đổi cự ly tuyến, giao Sở Giao thông Vận tải chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ vào giá dịch vụ xe ô tô ra, vào các bến, trạm xe của các tuyến đang thực hiện và tình hình thực tế của tuyến mới mở hoặc thay đổi cự ly để xem xét và quyết định trên cơ sở Thông tư liên tịch số 129/2010/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/8/2010 của liên Bộ Tài chính và Bộ Giao thông Vận tải, đồng thời báo cáo UBND tỉnh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 64/2011/QĐ-UBND ngày 02/11/2011 của UBND tỉnh về giá dịch vụ xe ô tô ra, vào các bến, trạm xe trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

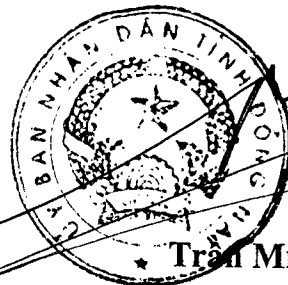
**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông Vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Cục Thuế tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT, KT.

ThaiTM

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Minh Phúc**